

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK MIL
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 15/2021/HNGĐ-ST
Ngày 01/6/2021
Về việc: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Hồng Duy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiên Tịnh, ông Phan Sỹ Phác.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Thế Toàn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil tham gia phiên tòa: Bà Lê Thu Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 176/2020/TLST-HNGĐ ngày 08/12/2020, về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/4/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 14/5/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị T, có mặt

Trú tại: Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

2. Bị đơn: Anh P, sinh năm 1980, vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

Nơi công tác: Trường THCS A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn xin ly hôn, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị T trình bày:

Chị T và anh P kết hôn vào năm 2008, đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông vào ngày 18/12/2008 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 48. Hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và không bị ép buộc

Anh P và chị T có 03 con chung: Cháu H – sinh ngày 06/11/2009, cháu H đang học lớp 05 trường L xã Đ, huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông; Cháu N, sinh ngày 30/11/2012, hiện cháu đang học lớp 03 trường L xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông; Cháu O, sinh ngày 03/11/2017, cháu đang học lớp mầm trường Mầm Non xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

Tài sản chung, tài sản riêng và công nợ không có.

Mẫu thuẫn giữa chị T và anh P đó là anh P thường xuyên vô cơ hoặc cãi nhau giữa vợ chồng thì anh P dùng tay, chân đánh đập và cây gậy đánh chị T, anh P dùng tay đánh tập trung vào đầu chị T và không gây thương tích nặng. Việc anh P đánh đập chị T rất nhiều lần từ năm 2009 cho đến nay, nhưng vì con cái nên chị T cam chịu. Chị T không chịu nổi hành vi bạo lực gia đình của anh P nên chị T làm đơn ly hôn. Vào cuối tháng 05 hoặc đầu tháng 06 năm 2020, anh P cũng có hành vi bạo lực gia đình, dùng tay chân đánh đập chị T và chị T đã báo Công an về hành vi bạo lực gia đình, Công an xã đã ban hành quyết định xử hành chính đối với anh P. Đồng thời chị T và anh P đã sống ly thân từ giữa tháng 06/2020 cho đến nay.

Nay chị T yêu cầu giải quyết: Xin được ly hôn với anh P. Con chung: Chị T xin nuôi cháu N, sinh ngày 30/11/2012 và Cháu O, sinh ngày 03/11/2017. Đồng ý giao cháu Cháu H – sinh ngày 06/11/2009 cho anh P nuôi dưỡng và hiện cháu đang ở với anh P. Không yêu cầu cấp dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản chung, tài sản riêng và công nợ không có nên không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn anh P: Qua xác minh, anh P có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông và anh P hiện đang công tác tại trường trung học cơ sở A xã Đ, tỉnh Đăk Nông. Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil đã tiến hành niêm yết Thông báo thụ lý, Giấy triệu tập, Thông báo hòa giải, Thông báo phiên họp và hòa giải, Quyết định xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa đối với anh P theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nhưng anh P vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil tham gia phiên tòa kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án xác định người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm đều tuân thủ quy định của pháp luật. Duy chỉ, bị đơn anh P không chấp hành theo quy định của pháp luật, cố tình vắng mặt không có lý do, anh P tự tước quyền bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận đơn và giải quyết cho chị T được ly hôn với anh P (chấm dứt quan hệ hôn nhân). Giao nuôi cháu N, sinh ngày 30/11/2012 và Cháu O, sinh ngày 03/11/2017 cho chị T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, giao cháu H – sinh ngày 06/11/2009 cho anh P nuôi và cháu H đang ở với anh P. Không xem xét, giải quyết việc cấp dưỡng, tài sản chung và công nợ do nguyên đơn không yêu cầu. Buộc Chị T chịu án phí 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án xin ly hôn giữa nguyên đơn chị T và anh P. Bị đơn anh P đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk

Nông và hiện công tác tại trường trung học cơ sở Chu Văn An xã Đức Minh, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông. Nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil thụ lý là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn anh P: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý, Giấy triệu tập, Thông báo hòa giải, Thông báo phiên họp và hòa giải, Quyết định xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa tại trường trung học cơ sở Chu Văn An. Việc vắng mặt của anh P không có lý do nên Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt anh P là đúng theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, tiến hành xét xử vắng mặt anh P là đúng quy định của pháp luật.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa anh P đều vắng mặt không có lý do, đồng thời không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, cũng như đưa ra quan điểm để phán bác lại yêu cầu của nguyên đơn. Theo khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự *“Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”*. Như vậy, anh P phải chịu hậu quả về việc không đưa ra được chứng cứ để bảo vệ cho quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

[4] Về hôn nhân: Chị T và anh P xây dựng gia đình trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, tự do đi đến hôn nhân. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đắk Găn, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông vào ngày 18/12/2008 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 48. Do đó, hôn nhân giữa chị T và anh P là hợp pháp.

[5] Về mâu thuẫn: Anh P và chị T đã phát sinh mâu thuẫn từ năm 2009, do anh P thường xuyên có hành vi bạo lực gia đình, hai bên không có tiếng nói chung, hiện nay anh P và chị T đã ly thân từ tháng 06/2020 cho đến nay.

[5.1] Qua làm xác minh tại chính quyền xã, anh P có hành vi bạo lực gia đình là đúng sự thật, cụ thể vào tháng 06/2020, anh P đã bị Công an xã ra Quyết định xử phạt hành chính về hành vi *“Xâm hại sức khỏe thành viên trong gia đình”*.

[5.2] Như vậy, mâu thuẫn giữa chị T và anh P đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn thương yêu, không quan tâm, hạnh phúc gia đình không có. Do đó, để giải phóng cho hôn nhân không còn mục đích, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn và cho chị T được ly hôn với anh P.

[6] Con chung: Chị T xin được quyền nuôi dưỡng cháu N, sinh ngày 30/11/2012 và Cháu O, sinh ngày 03/11/2017. Chị T đồng ý giao cháu H – sinh ngày 06/11/2009 cho anh P nuôi dưỡng và đang ở với anh P. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, anh P vắng mặt và không đưa ra quan điểm về con cái. Qua làm việc với cháu H, thì cháu H có nguyện vọng ở với anh P, đồng thời chị T cũng đồng ý giao cháu H cho anh P nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu N, cháu O cho chị T nuôi dưỡng, giao cháu H cho anh P nuôi dưỡng là phù hợp.

[7] Cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu. Tuy nhiên, vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi mức cấp dưỡng, chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng, yêu cầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng đối với các con theo quy định Luật hôn nhân gia đình.

[8] Tài sản chung, tài sản riêng và nợ chung: Không có.

[9] Án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

[10] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Cho chị T ly hôn với anh P (chấm dứt hôn nhân).

2. Về con chung:

2.1. Giao cháu N, sinh ngày 30/11/2012 và cháu O, sinh ngày 03/11/2017 cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các cháu đến tuổi trưởng thành. Anh P được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, chị T không được cản trở hoặc gây trở ngại đến việc thăm nom, giáo dục con chung.

2.2. Giao cháu H – sinh ngày 06/11/2009 cho anh P được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các cháu đến tuổi trưởng thành. Chị T được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, anh P không được cản trở hoặc gây trở ngại đến việc thăm nom, giáo dục con chung.

2.3. Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu.

- Vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định: Thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn, thay đổi mức cấp dưỡng, chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng, yêu cầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định các Điều 84, 107, 110, 116 của Luật hôn nhân và gia đình.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí sơ thẩm về việc ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã theo

biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003779 ngày 04/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil;
- Chi cục THADS huyện Đắk Mil;
- UBND xã Đắk Găn;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lại Hồng Duy